

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2019

V/v: Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp;

2. Bà Huỳnh Phương Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa-
Ông Lâm Sễn- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 ; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Danh Lệ Th**, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Trần Văn B**, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ : ấp P, xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Danh Lệ T trình bày: Vào năm 2000 chị và anh Trần Văn B quen biết nhau và cùng nhau đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đến năm 2007 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã M và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/4/2007.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng ý kiến, quan điểm với nhau, không hợp nhau về tính tình và cách sống nên thường xuyên xảy ra cự cãi trong cuộc sống hàng ngày, anh Búa không quan tâm, chăm sóc gia đình thường xuyên uống rượu làm cho mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng trầm trọng hơn, mặc dù vợ chồng đã cố gắng duy trì để tiếp tục chung sống với nhau nhưng không kết quả. Anh B đã bỏ nhà đi từ năm 2013 cho đến nay và cũng từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B không thể hàn gắn lại được, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc, nên chị quyết định xin ly hôn với anh B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 người con chung: Trần Văn T, sinh ngày 29/9/2001 và Trần Thị Thu T, sinh ngày 02/01/2009, các con hiện nay đang sống chung với chị.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ ai nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Danh Lệ T yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Trần Văn B.

- Về con chung: Yêu cầu Tòa án xét theo nguyện vọng của Trần Văn T, sinh ngày 29/9/2001 và Trần Thị Thu Th, sinh ngày 02/01/2009, nếu con theo chị thì chị nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Bua cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Thu xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Trần Văn B trình bày:* không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập làm việc, hai lần thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa anh Bua vắng mặt.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Thu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Danh Lệ T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang giải quyết vụ kiện tranh chấp xin ly hôn giữa chị

và anh Trần Văn B. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

Anh Trần Văn B chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Danh Lệ T tại Tòa án. Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn- Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh Búa là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Danh Lệ T và anh Trần Văn B chung sống với nhau vào năm 2000 và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/4/2007, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Danh Lệ T: Qua lời trình bày của chị T tại Tòa án cũng như tại phiên tòa và qua xác minh tại địa phương cho thấy thời gian đầu vợ chồng chị T và anh B sống hạnh phúc nhưng đến năm 2000 thì xảy ra mâu thuẫn do anh B thường xuyên ăn nhậu không chăm lo cuộc sống gia đình vì vậy vợ chồng thường cãi vã và anh B đã bỏ nhà ra đi từ năm 2013. Năm 2017- 2018 chị T đã làm đơn yêu cầu Tòa án ra Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với anh B để tìm anh B về giải quyết ly hôn cùng chị, nhưng đến nay đã hết thời gian thông báo mà anh B vẫn không có mặt tại địa phương cũng như tại Tòa án. Như vậy chị T và anh B đã không còn sống chung với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Chị T xác nhận hiện nay chị không còn tình cảm với anh B nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh B. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị T và anh B không đạt được, tình cảm khó có thể hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh B.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh Búa có 02 người con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 29/9/2001 và Trần Thị Thu Th, sinh ngày 02/01/2009, hiện nay chị T đang nuôi 02 con kể từ thời gian anh B bỏ nhà ra đi.

Chị Thu yêu cầu được nuôi cháu Trần Văn T và Trần Thị Thu Th, chị buôn bán có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế nuôi con được, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh B đã bỏ địa phương đi từ năm 2013, từ thời gian đó đến nay một mình chị T vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt. Bên cạnh đó, cháu T, cháu Th có ý kiến trong bản ghi ý kiến nguyện vọng là theo mẹ, nghị nên giao cháu T, cháu Th cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T được tiếp tục nuôi 02 người con chung tên Trần Văn T và Trần Thị Thu Th. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh B đúng theo quy định pháp luật nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy Tòa án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung giữa chị T và anh B. Mặt khác, tại Tòa án cũng như tại phiên tòa chị T xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh B, anh chị không tạo lập được tài sản gì. Cho nên về phần tài sản Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T đều xác nhận vợ chồng chị không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Thu là nguyên đơn do đó phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Danh Lệ T được ly hôn với anh Trần Văn B.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Danh Lệ T tiếp tục nuôi 02 người con tên Trần Văn T, sinh ngày 29/9/2001 và Trần Thị Thu Th, sinh ngày 02/01/2009. Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét

5. Về án phí : Chị Danh Lệ T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009492, ngày 14/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang
- Viện kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

Lê Thị Thúy Hằng

